

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ TẠI VIỆT NAM

TA ĐÌNH XUYỀN^{**}

I. Một số vấn đề chung về ngành công nghiệp phụ trợ

Trong lĩnh vực chế tác, các doanh nghiệp được chia thành 3 loại hình, bao gồm:

- *Doanh nghiệp sáng tạo* là những doanh nghiệp thiết kế, sáng tạo và lắp ráp ra các sản phẩm cuối cùng để tiêu thụ trên thị trường, ví dụ: Toyota, Honda, Sony, Panasonic, Canon, Ford, Hyundai...

- *Doanh nghiệp phụ trợ* là các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp các chi tiết, vật liệu... cho các doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ra các sản phẩm cuối cùng. Ví dụ: để chế tạo và lắp ráp hoàn chỉnh một chiếc xe ô tô, cần có hơn 28.000 chi tiết khác nhau, nhưng các hãng xe hơi như Toyota hay Hyundai chỉ sản xuất 3 bộ phận chính là động cơ, khung và vỏ ô tô. Các chi tiết và các bộ phận còn lại được mua từ hàng nghìn công ty khác nhau, bao gồm cả các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

Supporting industries are those producing spare-parts and components for assembling the final products. In Vietnam, supporting industries have been newly established and remain underdeveloped. Almost all providers of supporting accessories are foreign invested enterprises, while domestic ones only take a small slice of the market with rough and low value added products. The reasons underlying this situation are as follows: both administrative agencies and entrepreneurs are still not have awareness about supporting industries; financial ability of domestic enterprises engaged in supporting industries is limited; domestic enterprises have not paid much attention to product quality and delivery timeliness; workers' skills and knowledge of production management of domestic enterprises are still low.

In order to stimulate the development pace of Vietnam's supporting industries, it is required to concentrate on the following solutions: Creating favourable environment for attracting FDI inflows; adopting adequate financial and tax support policies; assisting to organize training programs for Vietnam's enterprises; developing technical assistance centres for SMEs, especially those engaged in supporting industries.



^{**} Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI)

Nguyễn Giám đốc Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật doanh nghiệp nhỏ và vừa, MPI

- *Doanh nghiệp kết nối trực tiếp với khách hàng* là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa và dịch vụ để cung cấp trực tiếp tới khách hàng, hoặc qua các khâu trung gian là các nhà bán buôn, bán lẻ (thường là các sản phẩm, dịch vụ giản đơn, ít phức tạp).

Từ cách phân loại trên, có thể đưa ra định nghĩa về ngành công nghiệp phụ trợ (CNPT)¹⁰¹ như sau: *CNPT là ngành công nghiệp sản xuất ra các linh kiện, chi tiết phục vụ cho việc lắp ráp sản phẩm cuối cùng.* Như vậy, ngành CNPT gắn liền với ngành công nghiệp lắp ráp, trong đó sản phẩm cuối cùng sẽ bao gồm rất nhiều linh kiện, phụ kiện khác nhau được sản xuất bằng nhiều công nghệ khác nhau. Sản phẩm của ngành CNPT là đầu vào cho các ngành công nghiệp khác kế tiếp.

Hình 1 dưới đây thể hiện trình tự logic và mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp có liên quan đến ngành công nghiệp lắp ráp (theo Diễn đàn phát triển Việt Nam).

Hình 1: Mối liên hệ giữa các ngành công nghiệp



II. Công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam

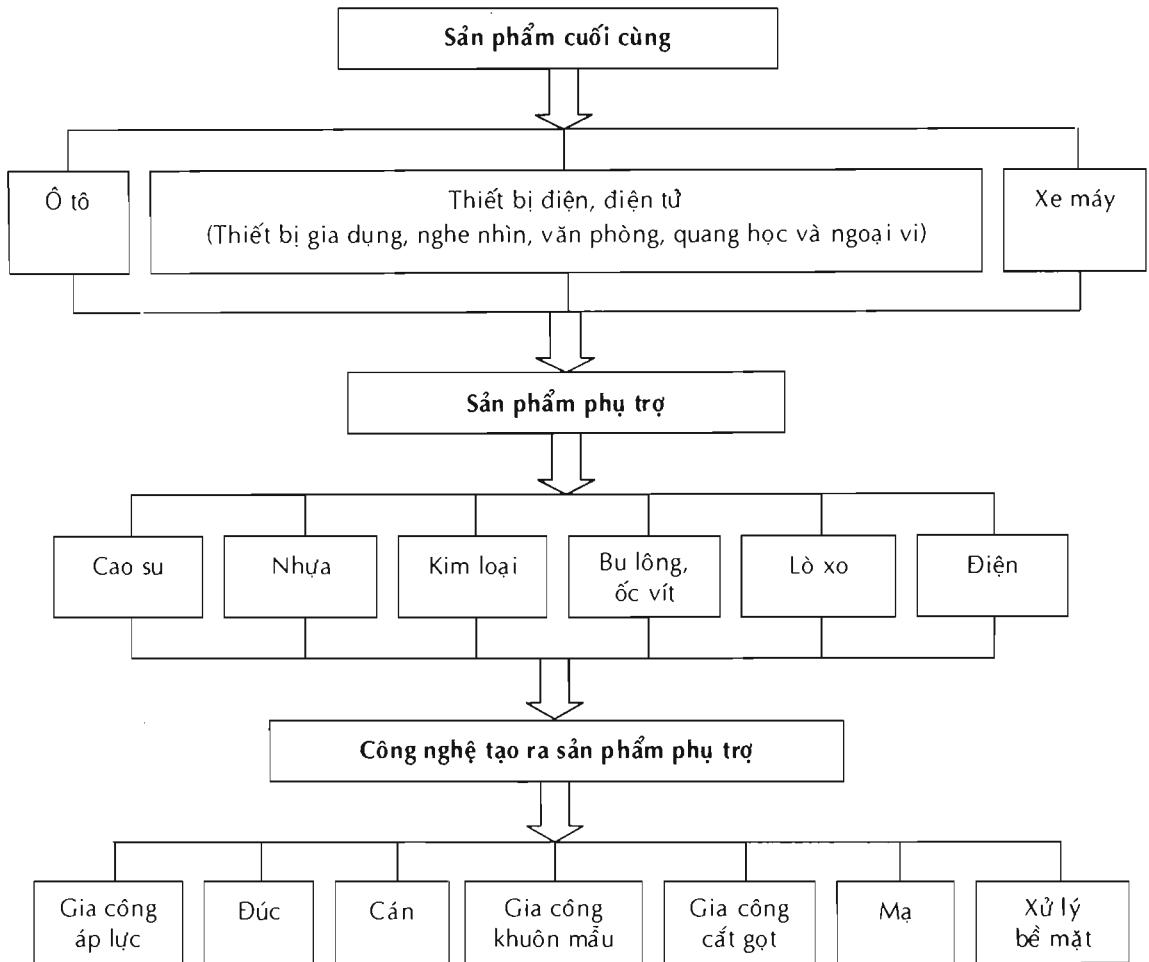
Từ đặc điểm của nền công nghiệp Việt Nam hiện nay, có thể thấy, ngành CNPT tại Việt Nam bao gồm các ngành sản xuất chế tạo khuôn mẫu, đồ gá, linh kiện, phụ tùng và lắp ráp bán thành phẩm. Ví dụ: trong ngành lắp ráp máy vi tính, để sản xuất các linh, phụ kiện nhựa, cần sử dụng các nguyên, vật liệu như hạt nhựa PE, thiết bị là máy ép nhựa và khuôn ép. Sau đó, các linh, phụ kiện nhựa cùng với các linh kiện bán dẫn và các linh kiện khác được lắp ráp thành sản phẩm là đầu đĩa CD-ROM. Đây là quá trình lắp ráp bán thành phẩm. Tiếp đến, sản phẩm đầu đĩa CD-ROM cùng với nhiều bán thành phẩm khác được lắp ráp thành sản phẩm cuối cùng là những chiếc máy vi tính hoàn chỉnh.

Sản phẩm của ngành CNPT phục vụ cho rất nhiều ngành khác nhau như: ngành lắp ráp ô tô, xe máy, điện - điện tử, đồ gia dụng và các sản phẩm tiêu dùng khác... (bao gồm thiết bị điện gia dụng, thiết bị nghe nhìn, thiết bị quang học, thiết bị văn phòng, thiết bị ngoại vi...).

¹⁰¹ Từ cách phân loại doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tác như trên, nên sử dụng các tên gọi CNPT, doanh nghiệp phụ trợ, không nên sử dụng các tên gọi công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp hỗ trợ vì khái niệm phụ trợ thể hiện sự phụ thuộc, gắn kết và sự cộng sinh giữa doanh nghiệp lắp ráp (doanh nghiệp song tạo) và doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm phụ trợ trong quá trình cùng tồn tại và phát triển trên thương trường. Khái niệm hỗ trợ chỉ thể hiện sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp, không phản ánh đúng bản chất của sự gắn kết, cộng sinh giữa các doanh nghiệp trên thương trường.

Có thể mô tả khái quát ngành CNPT tại Việt Nam qua lưu đồ dưới đây:

Hình 2: Ngành CNPT tại Việt Nam



Tương tự các nước khác, ngành CNPT tại Việt Nam có những đặc điểm cơ bản sau đây:

Một là, ngành CNPT có liên quan và bao trùm nhiều ngành sản xuất khác nhau và tương ứng với các ngành sản xuất khác nhau, có rất nhiều loại sản phẩm phụ trợ. Một doanh nghiệp phụ trợ có thể cung cấp sản phẩm của mình cho nhiều nhà lắp ráp trong các lĩnh vực khác nhau (ví dụ: công ty sản xuất sản phẩm nhựa hay cao su có thể cung cấp sản phẩm cho nhiều công ty lắp ráp khác nhau).

Hai là, ngành CNPT có yêu cầu cao về chất lượng, độ chính xác và tính tiêu chuẩn hóa của sản phẩm. Vì các sản phẩm cuối cùng thường gắn liền với thương hiệu của các Tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng như Canon, Sony, Honda, Toyota, Ford, Mercedes... và uy tín sản phẩm là tiêu chí hàng đầu nên yêu cầu về chất lượng sản phẩm phụ trợ là rất khắt khe. Bên cạnh đó, do sản phẩm lắp ráp cuối cùng là sự kết hợp của rất nhiều chi tiết khác nhau đến từ nhiều nhà cung cấp khác nhau nên các sản phẩm phụ trợ cần phải đảm bảo tính chính xác, thống nhất về mặt tiêu chuẩn hóa để đảm bảo tính lắp lẫn của sản phẩm.

Ba là, ngành CNPT là ngành công nghiệp cần huy động vốn lớn vì sử dụng công nghệ gia công, chế tạo, trong đó chi phí đầu tư cho trang thiết bị, máy móc là rất cao. Ví dụ: để đầu tư một chiếc máy ép nhựa, doanh nghiệp phải bỏ ra từ vài chục nghìn đến vài trăm nghìn USD, tùy thuộc vào công suất của máy. Để đầu tư một chiếc máy gia công kim loại CNC (máy kỹ thuật số, điều khiển bằng máy vi tính), chi phí đầu tư

sẽ từ hàng trăm nghìn USD trở lên. Đồng thời, do yêu cầu cao về độ chính xác và chất lượng sản phẩm nên các doanh nghiệp cũng cần đầu tư rất lớn vào các trang thiết bị đo lường, kiểm định.

Bốn là, các doanh nghiệp phụ trợ phải có trình độ quản lý tốt và công nhân có trình độ tay nghề cao. Để làm chủ và vận hành máy móc, thiết bị một cách hiệu quả, người lao động phải được đào tạo và có trình độ tay nghề nhất định. Bên cạnh đó, để đảm bảo yêu cầu rất cao và sự ổn định về chất lượng sản phẩm, tuân thủ nghiêm ngặt thời gian giao hàng, giá cả cạnh tranh, ngành CNPT cần có những nhà quản lý giỏi, từ nhà quản lý cấp dưới, cấp trung gian cho đến nhà quản lý cấp cao.

Nghiên cứu hiện trạng của ngành CNPT tại Việt Nam, có thể thấy, phần lớn các nhà cung cấp sản phẩm phụ trợ là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó chủ yếu là công ty Nhật Bản⁽²⁾ và Đài Loan (Trung Quốc). Các doanh nghiệp phụ trợ FDI tại Việt Nam chủ yếu hướng tới thị trường trong nước, nơi mà khả năng của các nhà cung cấp nội địa còn rất yếu. Việc các tập đoàn lớn của Nhật Bản như Honda, Toyota, Canon, Panasonic, Sony... đầu tư vào Việt Nam đã kéo theo hàng loạt các công ty phụ trợ khác cùng đầu tư vào Việt Nam như Denso, Ghoshi-Thăng Long, Shumi-Hanel...

Trên thực tế, tỷ lệ nội địa hóa trong ngành lắp ráp sản phẩm tại Việt Nam tăng dần theo mỗi năm nhưng chủ yếu là sản phẩm của các doanh nghiệp phụ trợ FDI. Trong khi đó, sản phẩm của các doanh nghiệp phụ trợ nội địa chỉ chiếm tỷ lệ không đáng kể, chủ yếu là những sản phẩm thô có hàm lượng GTGT thấp như bao bì, một số phụ tùng trong túi đồ của xe gắn máy... Ví dụ: công ty Yamaha Motor Việt Nam có 58 nhà cung cấp sản phẩm phụ trợ với tỷ lệ nội địa hóa vào khoảng 70% (xét về giá trị), bao gồm 30 doanh nghiệp phụ trợ FDI Nhật Bản, 23 doanh nghiệp phụ trợ FDI Đài Loan (Trung Quốc) và 5 công ty khác, trong đó chỉ có 1 hoặc 2 nhà cung cấp sản phẩm phụ trợ là doanh nghiệp trong nước. Nguyên nhân chính của thực trạng này là:

Thứ nhất, từ các cơ quan quản lý nhà nước đến các doanh nghiệp đều chưa nhận thức đúng đắn về CNPT. Các chủ doanh nghiệp trong nước còn hiểu khá mơ hồ về CNPT, nhiều doanh nghiệp không có khái niệm, không quan tâm đến CNPT, thậm chí phản đối khi được đề cập đến việc sản xuất sản phẩm phụ trợ cho các doanh nghiệp khác. Họ không nhận thức được rằng các doanh nghiệp lắp ráp sản phẩm cuối cùng thường là các công ty đa quốc gia hoặc công ty kinh doanh quốc tế với các thương hiệu nổi tiếng trên thị trường. Theo đó, nếu hợp tác, kết nối được với các doanh nghiệp này sẽ mở ra thị trường tiềm năng rất lớn cho các doanh nghiệp phụ trợ Việt Nam, không chỉ ở trong nước mà còn ở phạm vi quốc tế. Hơn nữa, kế hoạch sản xuất ổn định, sản lượng đặt hàng lớn và thanh toán đúng hạn sẽ là những điều kiện hết sức thuận lợi cho các doanh nghiệp phụ trợ của Việt Nam phát triển.

Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp Việt Nam có một đặc điểm chung là thường sản xuất nhiều mặt hàng nhưng không có mặt hàng chủ lực, đặc trưng hay truyền thống. Các doanh nghiệp này thậm chí còn sản xuất ra các sản phẩm đơn chiếc, dẫn đến chi phí giá thành sản phẩm cao, tính cạnh tranh kém. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam rất bị động, coi nhẹ việc tìm kiếm thông tin và tiếp cận thị trường phụ trợ. Nếu sản phẩm phụ trợ của một doanh nghiệp trong nước được chấp nhận và gắn kết với sản phẩm của những tập đoàn, công ty đa quốc gia với thương hiệu nổi tiếng thế giới thì doanh nghiệp sẽ có cơ hội để từng bước phát triển, tiến tới việc trở thành một doanh nghiệp sáng tạo và đặt hàng từ các doanh nghiệp phụ trợ khác. Đây là động cơ và mục đích mà các công ty của một đất nước đang phát triển cần vươn tới để khẳng định mình. Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaixia, Indônêxia, Thái Lan... là những minh chứng cho sự thành công của hướng phát triển này.

Thứ hai, các doanh nghiệp phụ trợ Việt Nam còn nhiều hạn chế về khả năng tài chính. Chi phí đầu tư cho sản xuất phụ trợ là rất lớn nhưng khả năng tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam còn rất hạn chế. Theo đó, nhiều

⁽²⁾ Hiện Nhật Bản là quốc gia có ngành CNPT phát triển nhất tại châu Á, ngoài việc tạo ra các sản phẩm phụ trợ có hàm lượng giá trị gia tăng (GTGT) cao, họ còn đạt đến trình độ nghiên cứu và thiết kế, sáng tạo ra các sản phẩm hiện đại, tiên tiến một cách thường xuyên, liên tục.

doanh nghiệp chỉ dám đầu tư các trang thiết bị cũ đã qua sử dụng do các nước phát triển thải ra. Hiện nền công nghiệp chế tạo cơ khí của Việt Nam vẫn đang sử dụng các thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, không ứng dụng được các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sản phẩm và năng suất lao động. Những doanh nghiệp nhà nước (DNNN) - thường là những doanh nghiệp có quy mô tương đối lớn, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách - có nhiều cơ hội để đầu tư các trang thiết bị đắt tiền này, nhưng lại có hạn chế về lĩnh vực năng động, việc đầu tư mua sắm trang thiết bị đôi khi còn gây lãng phí và kém hiệu quả. Nhiều ý kiến cho rằng, nếu dùng số tiền đó đầu tư cho các doanh nghiệp tư nhân thì hiệu quả mang lại sẽ cao hơn nhiều.

Thứ ba, trình độ lao động và quản lý sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp. Hệ thống đào tạo nghề tại Việt Nam còn thiếu và yếu, đặc biệt là đào

tạo ra những lao động có thể vận hành máy móc, thiết bị công nghệ cao. Nhiều doanh nghiệp phải mất từ vài tháng đến hàng năm để đào tạo lại đội ngũ lao động được tuyển dụng. Bên cạnh đó, nhiều công nhân sau khi được doanh nghiệp đào tạo, có thể vận hành thành thạo các trang thiết bị hiện đại lại bỏ việc để tìm đến các công ty khác có mức lương cao hơn (do các công ty này không phải mất thời gian và chi phí đào tạo nên có điều kiện để trả lương cao hơn). Điều này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động.

Các doanh nghiệp Việt Nam cũng gặp rất nhiều khó khăn về trình độ quản lý. Nhà xưởng bừa bãi, lộn xộn là tình trạng chung của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Các doanh nghiệp thường không nhận thấy lợi ích trực tiếp của việc thu dọn nhà xưởng gọn gàng, ngăn nắp, đồng thời không nghĩ đến việc mất nhiều thời gian cho các thao tác khi tìm kiếm một dụng cụ, đồ nghề để sử dụng có ảnh hưởng đến năng suất như thế nào. Nhiều doanh nghiệp đã áp dụng tiêu chuẩn quản lý ISO nhưng còn mang nặng tính hình thức chứ chưa tính đến hiệu quả. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp ý thức được vấn đề này, cử cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo về quản lý sản xuất và quyết tâm áp dụng tại doanh nghiệp, nhưng khi triển khai lại gặp khó khăn với đội ngũ công nhân, thậm chí với các cán bộ quản lý cấp trung gian.

Thứ tư, các doanh nghiệp phụ trợ Việt Nam chưa coi trọng yếu tố chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng. Do chi phí cho việc mua sắm những thiết bị đo, kiểm chuyên dụng là không nhỏ, trong khi tần suất sử dụng và thời gian sử dụng lại không nhiều nên việc đầu tư cho trang thiết bị đo lường, kiểm định phục vụ quá trình kiểm soát chất lượng sản phẩm tại nhiều doanh nghiệp gặp nhiều hạn chế. Trên thực tế, các doanh nghiệp thường tập trung ưu tiên cho

việc mua sắm các trang thiết bị trực tiếp phục vụ sản xuất. Các thiết bị đo lường, kiểm định mới chủ yếu là những dụng cụ thiết yếu như panme, thước kẹp và thường không được hiệu chuẩn định kỳ để đảm bảo độ chính xác. Có thể thấy, các doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ quan tâm đến cách thức chế tạo sản phẩm chứ chưa coi trọng vấn đề chất lượng sản phẩm, đồng thời, các doanh nghiệp khó có thể chứng minh được chất lượng sản phẩm thông qua hệ thống các



chỉ tiêu cơ, lý của sản phẩm vì không có điều kiện và thiết bị để thực hiện.

Hiện tượng chậm tiến độ giao hàng của các doanh nghiệp Việt Nam là khá phổ biến, từ đó ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và gây thiệt hại trực tiếp về vật chất và uy tín của các doanh nghiệp lắp ráp, người đặt hàng và ảnh hưởng gián tiếp đến nhiều doanh nghiệp khác. Khi chậm tiến độ giao hàng, các doanh nghiệp thường đưa ra các lý do khách quan mà không nói đến trách nhiệm của mình. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp Việt Nam chưa đủ độ trưởng thành. Các doanh nghiệp tham gia sản xuất phụ trợ chưa ý thức được đầy đủ tầm quan trọng khi sản phẩm của họ được đặt mua để lắp ráp các sản phẩm cuối cùng tức là gắn liền với thương hiệu nổi tiếng của các công ty, tập đoàn đa quốc gia. Việc tham gia sản xuất phụ trợ tức là trở thành một khâu trong một chuỗi dây chuyền sản xuất. Việc giao hàng chậm tiến độ sẽ ảnh hưởng đến tất cả các khâu còn lại và gây thiệt hại cho nhà lắp ráp sản phẩm cuối cùng.

III. Một số giải pháp cơ bản thúc đẩy ngành CNPT phát triển

1. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút vốn FDI vào Việt Nam

Môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi sẽ tạo điều kiện để thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào Việt Nam và mở rộng các cơ sở kinh doanh hiện có tại Việt Nam, đồng thời khuyến khích các nhà thầu phụ, sản xuất phụ trợ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Điều này sẽ giúp kích cầu thị trường sản phẩm phụ trợ, hay nói cách khác, dung lượng thị trường về sản phẩm phụ trợ sẽ mở rộng thêm.

Chính phủ cũng cần có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho hình thức liên doanh giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các nhà thầu phụ nước ngoài có ý định đầu tư vào Việt Nam. Đây là cách thức ngắn nhất để các doanh nghiệp trong nước có điều kiện tiếp thu việc chuyển giao công nghệ, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao dần trình độ sản xuất.

Bên cạnh đó, Chính phủ cần ban hành các chính sách có tính chất ổn định và bền vững để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư nước ngoài vì các tập đoàn đa quốc gia khi đầu tư vào Việt Nam với mục tiêu và thời gian hoạt động lâu dài sẽ không chấp nhận các chính sách hay định hướng phát triển chỉ có hiệu lực trong vài năm và hay thay đổi.

2. Chính sách hỗ trợ về thuế cho các doanh nghiệp phụ trợ

Việc giảm thuế nhập khẩu linh kiện sẽ là điều kiện tốt để hấp dẫn các nhà lắp ráp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Để thúc đẩy ngành CNPT phát triển, Chính phủ cần có ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc miễn, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị, máy móc cho các doanh nghiệp phụ trợ, không phân biệt đó là doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp FDI. Điều này sẽ khuyến khích và tạo điều kiện

để các doanh nghiệp phụ trợ đầu tư trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm.

3. Chính sách hỗ trợ về tài chính cho các doanh nghiệp phụ trợ

Nhà nước cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp phụ trợ có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn đầu tư phát triển và mở rộng sản xuất, kinh doanh, cụ thể là:

- Thành lập một tổ chức tín dụng (ngân hàng hoặc một quỹ) chuyên bảo đảm vốn cho các DNNVV vay để phát triển sản xuất với lãi suất ưu đãi và điều kiện vay dễ dàng.

- Thành lập các quỹ bảo lãnh tín dụng sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước để tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất. Có cơ chế để bảo hiểm rủi ro cho các khoản vốn mà các tổ chức tín dụng cho các DNNVV vay để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Có chính sách hỗ trợ về tài chính cho các doanh nghiệp phụ trợ khi các doanh nghiệp có nhu cầu tiến hành các hoạt động đổi mới kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ mới.

4. Liên kết và hỗ trợ tổ chức các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp Việt Nam

Do trình độ công nghệ và trình độ quản lý sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế nên Chính phủ cần có các chương trình hỗ trợ đào tạo dành cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp có

mong muốn trở thành nhà thầu phụ hoặc sản xuất sản phẩm phụ trợ cho các doanh nghiệp khác. Nội dung chương trình đào tạo cần tập trung vào những chỗ thiếu và yếu của các doanh nghiệp nội địa sản xuất sản phẩm phụ trợ như: kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị; quản lý chất lượng sản phẩm; quản lý công nghệ hay điều hành và quản lý sản xuất. Chương trình đào tạo phải gắn với nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ, trong đó cần có sự tham gia của các doanh nghiệp đặt hàng (các doanh nghiệp FDI, các tập đoàn đa quốc gia đang làm ăn tại Việt Nam) để xác định yêu cầu và những kỳ vọng đối với các doanh nghiệp phụ trợ do các doanh nghiệp đặt hàng là những người tiêu thụ sản phẩm phụ trợ nên rất hiểu những yếu kém của các doanh nghiệp phụ trợ nội địa.

5. Phát triển các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ

Một trong những rào cản lớn nhất, quan trọng nhất khiến các doanh nghiệp Việt Nam khó hoặc không thể tham gia vào việc sản xuất sản phẩm phụ trợ là trình độ kỹ thuật và công nghệ thấp và lạc hậu, theo đó sản phẩm sản xuất ra không đạt yêu cầu về chất lượng của các nhà lắp ráp. Vì vậy, Nhà nước cần thành lập các tổ chức có chức năng đứng ra

làm trung gian trong việc kết nối các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ với các doanh nghiệp đặt hàng (lắp ráp) cũng như có thể tư vấn giúp các doanh nghiệp Việt Nam trở thành các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ cho các doanh nghiệp lớn ở trong và ngoài nước. Đây chính là mô hình *Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật* cho DNNVV.

Mô hình Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật là một mô hình còn mới mẻ ở Việt Nam, nhưng lại rất phát triển tại Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) và một số nước khác từ hàng chục năm qua¹⁹. Các trung tâm này hình thành một mạng lưới cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật rất hiệu quả cho doanh nghiệp, bao gồm:

- Tư vấn cho doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, áp dụng kỹ thuật mới, cải tiến trang thiết bị và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu của doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản lý kỹ thuật và công nghệ;
- Xúc tiến hợp tác, kết nối, liên kết giữa các DNNVV với các doanh nghiệp lớn, giữa các doanh nghiệp lắp ráp và doanh nghiệp phụ trợ;
- Làm đầu mối cung cấp, phổ biến thông tin về kỹ thuật, công nghệ cho DNNVV;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia tư vấn kỹ thuật, công nghệ đáp ứng yêu cầu của DNNVV;
- Ứng dụng và hợp tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, giúp các DNNVV tiếp cận công nghệ mới (kể cả công nghệ thứ cấp và sản phẩm mới)...

Chi phí đầu tư các trang thiết bị, máy móc cho các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật là rất lớn và cần có một đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ cao. Theo đó, tại nhiều nước, các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp cần phải do chính phủ thành lập và quản lý, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động để khai thác trang thiết bị hỗ trợ doanh nghiệp, bao gồm: thăm quan, thị sát tại doanh nghiệp (sử dụng các thiết bị đo lường lưu động mang theo để tư vấn, hỗ trợ tại chỗ cho doanh nghiệp); cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cần thiết cho doanh nghiệp như: cho doanh nghiệp thuê máy móc, thiết bị, hoặc thuê các phòng thí nghiệm (với giá thuê ưu đãi có bù lỗ của Nhà nước) để phục vụ việc nghiên cứu, hoặc sản xuất sản phẩm mẫu khi doanh nghiệp chưa đủ điều kiện tự đầu tư trang thiết bị, máy móc; đào tạo thực hành trực tiếp trên máy móc, thiết bị cho doanh nghiệp; hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp... Những trung tâm hỗ trợ kỹ thuật sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ và quản trị kinh doanh, vươn lên ngang tầm các doanh nghiệp lớn, đủ khả năng trở thành nhà sản xuất phụ trợ cho các doanh nghiệp sáng tạo là những tập đoàn, công ty đa quốc gia. Chính vì vậy, việc thành lập các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho DNNVV là điều kiện *tiên quyết* và là *chìa khóa* để tạo điều kiện và thúc đẩy sự phát triển của ngành CNPT ở Việt Nam. □

¹⁹ Hiện Nhật Bản có khoảng 252 trung tâm. Mỹ có trên 1.000 trung tâm. Các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp được chia làm 3 cấp: cấp Trung ương, cấp vùng (tỉnh, thành phố) và cấp địa phương (quận, huyện).